



suǒ mén

锁门

verb phrase · to lock the door

Example Sentences

chū mén qián jì de suǒ mén

出 门 前 记 得 锁 门 。

Remember to lock the door before leaving.

tā měi tiān wǎn shàng dōu huì jiǎn chá shì fǒu suǒ mén

她 每 天 晚 上 都 会 检 查 是 否 锁 门 。

She checks every night whether the door is locked.

Trace each character, then write the word on your own.

锁	锁	锁	锁	锁	锁	锁	锁	锁	锁	锁
锁	锁	锁	锁							

门	门	门	门	门	门					
